

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2953/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 6 năm 2016***QUYẾT ĐỊNH****Về phê duyệt Chương trình nghiên cứu khoa học - phát triển  
công nghệ và nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ  
Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1318/QĐ-BKHCN ngày 05 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2686/QĐ-BKHCN ngày 05 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Danh mục các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ

khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 915/TTr-SKHHCN ngày 10 tháng 5 năm 2016,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình nghiên cứu khoa học - phát triển công nghệ và nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 (*Chương trình đính kèm*).

**Điều 2.** Giao Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **CHƯƠNG TRÌNH**

**Nghiên cứu khoa học - phát triển công nghệ và nâng cao tiềm lực  
khoa học và công nghệ thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2953/QĐ/UBND ngày 07 tháng 6 năm 2016 của  
Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **I. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1318/QĐ-BKHCN ngày 05 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2686/QĐ-BKHCN ngày 05 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Danh mục các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016 - 020;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lần thứ X nhiệm kỳ 2015 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

### **II. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung**

Nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Tăng đầu tư từ ngân sách thành phố cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ trọng điểm để tập trung nguồn lực đầu tư, phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội, trọng tâm là 04 ngành công

ngành chủ lực (*Cơ khí chế tạo; Điện tử - Công nghệ thông tin; Hóa chất - nhựa - cao su và Chế biến tinh lương thực, thực phẩm*), 09 ngành dịch vụ (*Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm; Thương mại; Du lịch; Vận tải, cảng và kho bãi; Bưu chính, viễn thông, thông tin và truyền thông; Kinh doanh tài sản bất động sản; Tư vấn; Khoa học công nghệ, y tế; Giáo dục và đào tạo*), ngành công nghiệp hỗ trợ, 07 chương trình đột phá (*Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Cải cách hành chính; Nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế thành phố đáp ứng yêu cầu hội nhập; Giảm ùn tắc giao thông, giảm tai nạn giao thông; Giảm ngập nước; Giảm ô nhiễm môi trường và Chính trang và phát triển đô thị*) và quản lý phát triển đô thị thành phố. Chú trọng đầu tư cho các sản phẩm khoa học và công nghệ ứng dụng trực tiếp vào sản xuất và đời sống xã hội, mang lại hiệu quả kinh tế cao và xuất phát từ đặt hàng của các doanh nghiệp. Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu nhằm ươm tạo các sản phẩm mang thương hiệu Việt Nam trọng điểm của thành phố.

Thúc đẩy phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ. Đầu tư cho các tổ chức khoa học và công nghệ có ưu thế để hình thành các trung tâm nghiên cứu mạnh trong 04 ngành công nghiệp chủ lực theo mô hình tiên tiến của thế giới. Xây dựng cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu năng lực quản lý cho đội ngũ khoa học và công nghệ của thành phố.

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút mọi nguồn lực xã hội tham gia đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, thúc đẩy hình thành mối liên kết chặt chẽ giữa nhà khoa học, tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ và doanh nghiệp.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

2.1. Đến năm 2020, mức chi cho sự nghiệp khoa học và công nghệ đạt 50% trong tổng mức chi cho khoa học và công nghệ hàng năm của Thành phố. Dành không dưới 70% kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ đầu tư cho các chương trình trọng điểm phục vụ cho 04 ngành công nghiệp trọng yếu, 09 ngành dịch vụ, ngành công nghiệp hỗ trợ và 07 chương trình đột phá của thành phố.

2.2. Tỷ lệ ứng dụng kết quả sau nghiệm thu của đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, phục vụ nhu cầu xã hội và phát triển tiềm

lực khoa học và công nghệ đạt 60%.

2.3. Xây dựng được 05 sản phẩm mang thương hiệu Việt Nam trọng điểm của thành phố.

2.4. Xây dựng ít nhất 02 tổ chức khoa học và công nghệ có mô hình tiên tiến thế giới.

2.5. Hỗ trợ hình thành 300 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2.6. Có 500 doanh nghiệp thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

2.7. Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên sâu trong và ngoài nước cho:

- 100 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ ưu tiên cho 04 ngành công nghiệp trọng yếu của thành phố.

- 60 cán bộ quản lý khoa học và công nghệ.

2.8. Đến năm 2020, xây dựng được mạng lưới hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hỗ trợ 04 ngành công nghiệp trọng yếu.

### **III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1. Xây dựng chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ trọng điểm và các định hướng nghiên cứu giai đoạn 2016-2020**

#### ***1.1. Chương trình Cơ khí và Tự động hóa:***

a) Nghiên cứu thiết kế, chế tạo máy, thiết bị:

- Phục vụ 04 ngành công nghiệp trọng yếu và 09 ngành dịch vụ;

- Thiết bị cơ giới hóa và tự động hóa cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chăn nuôi và trồng trọt;

- Thiết bị, công nghệ phục vụ thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm nông sản.

- Trang thiết bị phục vụ kiểm nghiệm, chẩn đoán, điều trị cho ngành y tế và an toàn vệ sinh thực phẩm.

b) Ứng dụng Robot cho sản xuất công nghiệp; thiết kế, chế tạo Robot thay thế ngoại nhập; thiết kế, chế tạo hệ thống điều khiển tự động các quá trình sản xuất.

c) Nghiên cứu phát triển công nghệ gia công, chế tạo các chi tiết cơ khí và khuôn mẫu cho ngành công nghiệp hỗ trợ.

d) Nghiên cứu chuyển giao công nghệ, giải pháp nội địa hóa công nghệ chế tạo thiết bị, đặc biệt là lĩnh vực công nghệ năng lượng.

### **1.2. Chương trình Điện- điện tử và Công nghệ thông tin:**

Hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao :

- Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo vi mạch, các sản phẩm ứng dụng vi mạch.
- Công nghệ, kỹ thuật, ứng dụng khai thác dữ liệu lớn (big data);
- Công nghệ, kỹ thuật ứng dụng điện toán đám mây.
- Công nghệ, kỹ thuật, sản phẩm ứng dụng di động, IOT, ứng dụng công nghệ thông tin địa lý (GIS), viễn thám và các công nghệ liên quan.
- Công nghệ, kỹ thuật, sản phẩm trong lĩnh vực an ninh thông tin.

### **1.3. Chương trình Hóa dược, Công nghệ thực phẩm và Công nghệ vật liệu:**

a) Nghiên cứu quy trình công nghệ:

- Bào chế thuốc và thực phẩm chức năng từ nguyên liệu trong nước;
- Sản xuất, chế biến tinh lương thực - thực phẩm không sử dụng chất phụ gia;

b) Nghiên cứu công nghệ chế tạo vật liệu:

- Vật liệu cao su kỹ thuật, cao su tổng hợp chuyên dụng, polymer, vật liệu mới tiên tiến, ...;
- Các loại pin nhiên liệu (fuel cell), tích trữ năng lượng, sản xuất nhiên liệu sinh học thế hệ thứ 2 và thứ 3.

c) Nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới.

### **1.4. Chương trình Công nghệ Sinh học:**

a) Nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới: công nghệ tế bào gốc, công nghệ gen, công nghệ nano, ...

b) Nghiên cứu kỹ thuật: tạo giống, nhân giống, bảo quản, chế biến, ... (trong lĩnh vực nông nghiệp); cấy mô, ghép tạng, ghép tủy, sinh học phân tử- di truyền, liệu pháp tế bào, chẩn đoán, ... (trong lĩnh vực y tế), ...

c) Nghiên cứu và sản xuất các loại kháng thể đơn dòng, vắc-xin thế hệ mới, kit chẩn đoán, dược sinh học, chế phẩm sinh học, ...

### ***1.5. Chương trình Quản lý và Phát triển đô thị:***

a) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp và mô hình nâng cao chất lượng công tác quản lý, điều hành, cải cách hành chính.

b) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp, mô hình nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Thành phố.

c) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp, mô hình nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu v.v. theo hướng phát triển đô thị thông minh, phát triển bền vững.

### ***1.6. Các lĩnh vực khoa học và công nghệ khác:***

a) Nghiên cứu công nghệ, kỹ thuật, phương pháp và quy trình trong lĩnh vực điều trị và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

b) Nghiên cứu về cơ chế, chính sách, giải pháp, mô hình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển đời sống văn hóa.

c) Nghiên cứu phát triển công nghệ, chính sách, giải pháp, mô hình thúc đẩy phát triển quốc phòng - an ninh của Thành phố.

d) Các lĩnh vực nghiên cứu khoa học cơ bản khác.

## **2. Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ**

2.1. Sửa đổi, bổ sung và ban hành mới quy chế quản lý các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của thành phố nhằm nâng cao năng lực quản lý, tổ chức triển khai và nâng cao hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Ưu tiên đầu tư kinh phí từ ngân sách cho các đề tài, dự án có sự cam kết đồng đầu tư; cho các đề tài, dự án có sự cam kết hợp tác thực hiện giữa đơn vị nghiên cứu với doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có ảnh hưởng đến một ngành, lĩnh vực sản xuất - kinh doanh; cho các chương trình nghiên cứu ứng dụng có sản phẩm cụ thể và có tác động ảnh hưởng lớn.

2.2. Hoàn thiện và đổi mới quy trình tổ chức tuyển chọn, đánh giá đề tài, dự án.

2.3. Điều chỉnh, bổ sung bộ biểu mẫu áp dụng quy trình quản lý, tổ chức triển khai thực hiện đề tài, dự án.

2.4. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá làm cơ sở cho việc tuyển chọn các đề tài, dự án cần đầu tư và có tính phân loại cao nhằm xác định mức độ ưu tiên đầu tư kinh phí toàn phần hoặc một phần.

2.5. Xây dựng cơ chế thúc đẩy hình thành và sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp cho hoạt động nghiên cứu triển khai.

### **3. Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ**

3.1. Xây dựng cơ chế hợp tác trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ; ưu tiên đầu tư các đề tài, dự án được thực hiện bởi các nhà khoa học, các chuyên gia thuộc nhiều tổ chức nghiên cứu nhằm thúc đẩy hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh.

3.2. Xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở vật chất cho các phòng thí nghiệm, các tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ có thế mạnh nhằm nâng cao năng lực và thúc đẩy các tổ chức khoa học và công nghệ phát triển theo mô hình tiên tiến thế giới.

3.3. Khảo sát, đánh giá nhu cầu xã hội và năng lực hoạt động nghiên cứu phát triển của các tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp để lựa chọn đầu tư nhằm tạo ra một số sản phẩm mang thương hiệu Việt Nam trọng điểm của thành phố.

3.4. Xây dựng cơ chế định giá, giao quyền, chuyển giao kết quả nghiên cứu để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

3.5. Xây dựng cảm nang hướng dẫn sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; đề xuất cơ chế đóng góp kinh phí của quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp vào quỹ phát triển khoa học và công nghệ của thành phố; cơ chế đồng đầu tư (nhà nước 30% - doanh nghiệp 70%) để phát triển sản phẩm khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp.

3.6. Triển khai thực hiện thống kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về tiềm lực các phòng thí nghiệm trên địa bàn thành phố.

3.7. Xây dựng cơ sở dữ liệu về tiềm lực của các tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ.

3.8. Xây dựng cơ sở dữ liệu mạng lưới chuyên gia khoa học và công nghệ.

3.9. Xây dựng quy chế khai thác và chia sẻ lợi ích của các cơ sở khoa học và công nghệ có sự hỗ trợ đầu tư từ ngân sách thành phố.



#### **4. Xây dựng đề án đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2020**

#### **5. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ**

5.1. Xây dựng mạng lưới liên kết, hợp tác giữa các phòng thí nghiệm trong nước và quốc tế.

5.2. Xây dựng mạng lưới hợp tác quốc tế trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

5.3. Xây dựng cổng thông tin kết nối các nhà trí thức trong và ngoài nước.

#### **6. Đẩy mạnh công tác truyền thông và ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ**

6.1. Phổ biến, tuyên truyền rộng rãi các chính sách của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về khoa học và công nghệ.

6.2. Công khai hóa quy trình, thủ tục, biểu mẫu hướng dẫn đăng ký và tổ chức triển khai thực hiện đề tài, dự án và các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

6.3. Xây dựng cổng thông tin nhận đăng ký hồ sơ trực tuyến: thành lập tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; đăng ký hồ sơ thực hiện đề tài, dự án.

6.4. Xây dựng và hoàn thiện quy trình điện tử quản lý và giám sát tiến độ thực hiện đề tài, dự án.

6.5. Xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về tiềm lực khoa học và công nghệ, quy trình truy xuất, cập nhật, chia sẻ thông tin, khai thác và sử dụng.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Khoa học và Công nghệ**

a) Xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết hàng năm và dự toán ngân sách thực hiện, thông qua Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt. Xây dựng các chương trình, đề án, chính sách để tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch.

b) Triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; định kỳ hàng năm báo cáo cho Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời đề xuất, kiến nghị, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

**2. Sở Tài chính** cân đối, bố trí ngân sách hàng năm cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các hoạt động hỗ trợ để triển khai kế hoạch ở cấp Thành.

**3. Các sở, ban, ngành Thành phố, cơ quan, đơn vị có liên quan** thực hiện Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ; đồng thời kiến nghị, đề xuất các giải pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại địa phương, đơn vị./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**